

Số: 60 /QĐ-MN14

Tân Bình, ngày 02 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách Năm 2022 của Trường Mầm Non 14

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách nhà nước và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế hoạch Quận Tân Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Năm 2022 của trường Mầm Non 14 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...





Tân Bình, ngày 24 tháng 5 năm 2023

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

I. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13):	: 5.675.462.474 đồng
- Tiền lương (6000)	: 2.042.690.193 đồng
- Phụ cấp lương (6100)	: 2.025.644.292 đồng
- Chi khen thưởng thường xuyên (6201)	: 21.260.000 đồng
- Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)(6300)	: 555.273.890 đồng
- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân (6400)	: 258.835.000 đồng
- Thanh toán dịch vụ công cộng (điện, nước, vệ sinh) (6500)	: 95.229.215 đồng
- Vật tư văn phòng (6550)	: 51.142.501 đồng
- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc(6600)	: 12.287.108 đồng
- Công tác phí (6704)	: 9.000.000 đồng
- Chi phí thuê mướn (6750)	: 138.750.000 đồng
- Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn(6900)	: 127.267.964 đồng
- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành (7000)	: 76.652.200 đồng
- Chi khác (7799)	: 27.162.100 đồng
- Chi trích lập các quỹ (7950)	: 219.889.511 đồng
II. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 14):	: 2.173.480.791 đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018 (6400)	: 2.173.480.791 đồng
III. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 12)	: 381.827.542 đồng
- Phụ cấp lương (6100)	: 253.859.542 đồng
-Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn(6900)	: 127.968.000 đồng
IV. Kinh phí cấp bù học phí cho học sinh (nguồn 15)	: 234.700.000 đồng
-Cấp bù học phí cho cơ sở Giáo dục đào tạo (7766)	: 234.700.000 đồng

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON 14

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-MN14 ngày 13/12/2022 của trường Mầm non 14)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8472.467	8472.467		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7853.94	7853.94	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	618.527	618.527	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				



Phan Thị Ánh Hiệp